

THÔNG BÁO
Về việc đấu giá tài sản

1. Tổ chức đấu giá tài sản: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Lắk.

2. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Krông Bông.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

3. Tài sản đấu giá: Tài sản tận thu, tận dụng sau thu hồi, bồi thường có nguồn gốc là rừng tự nhiên, rừng trồng không sử dụng ngân sách nhà nước của Công ty TNHH MTV LN Krông Bông quản lý phục vụ Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, đoạn qua địa bàn huyện Krông Bông thuộc xã Cư Pui và Cư Drăm, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Cụ thể như sau:

a) Cây đứng rừng tự nhiên: 7.946,32 m³ gỗ các loại từ nhóm I đến nhóm VIII. Chi tiết như Phụ lục kèm theo.

- Giá khởi điểm: 5.618.920.000 đồng (Năm tỷ, sáu trăm mười tám triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng)

b) Cây gỗ đứng rừng trồng năm 2015: Toàn bộ cây gỗ đứng trên diện tích 1,629 ha. Chi tiết như Phụ lục kèm theo.

- Giá khởi điểm: 122.175.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)

4. Tổng giá khởi điểm: 5.741.095.000 đồng (Năm tỷ, bảy trăm bốn mươi một triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Giá khởi điểm nêu trên chưa bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật (nếu có).

5. Tiền đặt trước:

a) Lô cây đứng rừng tự nhiên: 1.120.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng).

b) Lô cây đứng rừng trồng: 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

6. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

a) Thời gian: Người tham gia đấu giá tài sản có thể tự tìm hiểu hoặc liên hệ với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản để được hướng dẫn xem tài sản từ ngày 24/06/2024 đến 17 giờ 00 phút ngày 25/06/2024 (trong giờ hành chính);

b) Địa điểm: Tại nơi có tài sản đấu giá

7. Thời gian, địa điểm bán, nhận hồ sơ, điều kiện và cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

a) Thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ ngày niêm yết việc đấu giá tài sản đến 17 giờ 00 phút ngày 28/06/2024 tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Lắk (trong giờ hành chính);



b) Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện quy định tại Luật Đấu giá tài sản và quy định pháp luật liên quan thực hiện việc nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá hợp lệ, nộp tiền đặt trước theo quy định.

c) Tiền hồ sơ:

- Lô cây đứng rừng tự nhiên: 500.000 đồng/hồ sơ.

- Lô cây đứng rừng trồng: 200.000 đồng/hồ sơ.

8. Thời gian, địa điểm tổ chức buổi công bố giá: Bắt đầu vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 01/07/2024 tại Hội trường Trung tâm văn hóa huyện Krông Bông.

9. Hình thức, phương thức đấu giá:

a) Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá

b) Phương thức đấu giá: Trả giá lên

10. Những thông tin khác: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản không tổ chức đấu giá tài sản trong trường hợp trước thời gian tổ chức cuộc đấu giá, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc người có thẩm quyền yêu cầu đình chỉ, tạm dừng việc tổ chức đấu giá.

** Các nội dung khác thực hiện theo Quy chế cuộc đấu giá.*

Thông tin liên hệ:

- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Lắk - Địa chỉ: Số 135 đường Lê Thị Hồng Gấm, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk - Điện thoại: 0262.3954464.

- Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Krông Bông - Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk - Điện thoại: 0262.3733279 *ph*

Nơi nhận:

- Niêm yết, thông báo công khai theo quy định;

- Người có tài sản đấu giá (p/hợp);

- Lưu: VT; Hsdg.



Vũ Đình Tuệ

PHỤ LỤC

1. Bảng tổng hợp giá gỗ rừng tự nhiên

Stt	Nhóm gỗ	Loài cây	Khối lượng cây đứng (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Thành Tiền (đồng)
Tổng cộng			7.946,32		
1	I	Dáng hương	0,38	7.000.000	2.660.000
2		Lát hoa	0,64	7.000.000	4.480.000
3		Thông tre	1,34	7.000.000	9.380.000
4	II	Gỗ mật	1,52	3.700.000	5.624.000
5		Kiên kiên	0,69	3.700.000	2.553.000
6		say	1,08	3.700.000	3.996.000
7		Sến me	47,53	3.700.000	175.861.000
8		Sến mù	113,89	3.700.000	421.393.000
9	III	Bằng lăng	0,32	2.400.000	768.000
10		Bình linh	6,21	2.400.000	14.904.000
11		Cà chít	0,88	2.400.000	2.112.000
12		Chai	1,50	2.400.000	3.600.000
13		Chiêu liêu xanh	0,60	2.400.000	1.440.000
14		Chua khét	136,18	2.400.000	326.832.000
15		Sao	5,00	2.400.000	12.000.000
16		Trăm năm	11,10	2.400.000	26.640.000
17		Vên vên	1,14	2.400.000	2.736.000
18	IV	Bạch tùng	0,81	2.400.000	1.944.000
19		Bời lời	19,33	2.400.000	46.392.000
20		Giổi	17,64	2.400.000	42.336.000
21		Thông nạng	0,97	2.400.000	2.328.000
22	V	Cách miên	1,01	670.000	676.700
23		Chò xót	562,55	670.000	376.908.500
24		Chôm	16,87	670.000	11.302.900
25		Công	0,09	670.000	60.300
26		Dầu	5,89	670.000	3.946.300
27		Dầu gió	174,74	670.000	117.075.800
28		Dầu nước	10,74	670.000	7.195.800
29		Dầu rái	6,13	670.000	4.107.100
30		Đẻ	502,08	670.000	336.393.600
31		Máu chó	76,19	670.000	51.047.300
32		Nhãn rừng	114,36	670.000	76.621.200
33		Trâm	1.660,21	670.000	1.112.340.700
34		Trâm mốc	0,07	670.000	46.900
35		Vải	0,85	670.000	569.500
36		Vàng Nghệ	595,61	670.000	399.058.700
37		Vùng	0,15	670.000	100.500
38		Xoài	34,90	670.000	23.383.000
39	VI	Bần Bằng lăng	0,69	570.000	393.300
40		Búra	137,49	570.000	78.369.300
41		Cây	85,54	570.000	48.757.800

TÍNH
 NG TÀ
 H V
 U QU
 I SAI
 *

42		Ch. liêu ổi	0,78	570.000	444.600
43		Hồng quang	304,02	570.000	173.291.400
44		Hương lai	31,95	570.000	18.211.500
45		Kháo	59,53	570.000	33.932.100
46		Lòng mang	28,91	570.000	16.478.700
47		Mít nài	62,44	570.000	35.590.800
48		Muồng Sumatra	12,98	570.000	7.398.600
49		Nhàu	0,16	570.000	91.200
50		Nhọ nôi	67,05	570.000	38.218.500
51		Nhội	14,16	570.000	8.071.200
52		Núc nác	7,70	570.000	4.389.000
53		Quao	109,32	570.000	62.312.400
54		Quế	51,44	570.000	29.320.800
55		Re	0,72	570.000	410.400
56		Song mã	11,86	570.000	6.760.200
57		Sống rắn	0,60	570.000	342.000
58		Sp cứng	716,10	570.000	408.177.000
59		Tạp	12,74	570.000	7.261.800
60		Xoan	26,21	570.000	14.939.700
61		Bùi nước	78,79	480.000	37.819.200
62		Cám	0,35	480.000	168.000
63		Chân Chim	62,74	480.000	30.115.200
64		Chè rừng	0,10	480.000	48.000
65		Côm	12,19	480.000	5.851.200
66		Gáo nước	20,14	480.000	9.667.200
67		Hồng quân	31,44	480.000	15.091.200
68		keo	0,17	480.000	81.600
69	VII	Lành ngành	2,95	480.000	1.416.000
70		Lòng mức	19,91	480.000	9.556.800
71		Mò cua	240,66	480.000	115.516.800
72		Ngát vàng	326,70	480.000	156.816.000
73		Phượng vĩ	0,63	480.000	302.400
74		Sổ nhám	12,80	480.000	6.144.000
75		Sp vừa	715,95	480.000	343.656.000
76		Thấu tấu	3,22	480.000	1.545.600
77		Ưoi	0,47	480.000	225.600
78		Ba bét	8,51	480.000	4.084.800
79		Ba soi	2,01	480.000	964.800
80		Bộp	0,02	480.000	9.600
81		Bưởi bung	9,12	480.000	4.377.600
82		Chay	0,79	480.000	379.200
83		Chây	0,20	480.000	96.000
84	VIII	Cóc rừng	51,50	480.000	24.720.000
85		Đa	10,71	480.000	5.140.800
86		Dâu da	5,25	480.000	2.520.000
87		Gạo	0,02	480.000	9.600
88		Giêng giêng	0,05	480.000	24.000
89		Hu đay	0,06	480.000	28.800

90	Lôi	33,98	480.000	16.310.400
91	Mắc Khén	0,82	480.000	393.600
92	Móng bò	0,34	480.000	163.200
93	Ngái	0,02	480.000	9.600
94	Sòi tía	46,55	480.000	22.344.000
95	Sp Mềm	361,87	480.000	173.697.600
96	Sung	8,91	480.000	4.276.800
97	Táo rừng	2,22	480.000	1.065.600
98	Tung	0,64	480.000	307.200
Tổng cộng				5.618.920.000

2. Bảng tổng hợp giá gỗ rừng trồng năm 2015 (giá rừng cây đứng)

Thửa đất		Địa danh		Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/ha)	Thành Tiền (đồng)
		Xã	Lô			
190	18	Cư Pui	A	1,371	75.000.000	102.825.000
190	103	Cư Pui	B	0,258	75.000.000	19.350.000
Tổng				1,629		122.175.000



QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Hợp đồng Dịch vụ đấu giá tài sản số 69/2024/HĐĐG-TTĐG ngày 17/06/2024 giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Krông Bông.

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (sau đây gọi là Trung tâm) ban hành Quy chế cuộc đấu giá tài sản gồm những nội dung sau:

Điều 1. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm, giấy tờ pháp lý của tài sản đấu giá

1. Tài sản đấu giá: Tài sản tận thu, tận dụng sau thu hồi, bồi thường có nguồn gốc là rừng tự nhiên, rừng trồng không sử dụng ngân sách nhà nước của Công ty TNHH MTV LN Krông Bông quản lý phục vụ Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, đoạn qua địa bàn huyện Krông Bông thuộc xã Cư Pui và Cư Drăm, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Cụ thể như sau:

a) Cây đứng rừng tự nhiên: 7.946,32 m³ gỗ các loại từ nhóm I đến nhóm VIII. Chi tiết như Phụ lục kèm theo.

- Giá khởi điểm: 5.618.920.000 đồng (Năm tỷ, sáu trăm mười tám triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng)

b) Cây gỗ đứng rừng trồng năm 2015: Toàn bộ cây gỗ đứng trên diện tích 1,629 ha. Chi tiết như Phụ lục kèm theo.

- Giá khởi điểm: 122.175.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)

2. Tổng giá khởi điểm: 5.741.095.000 đồng (Năm tỷ, bảy trăm bốn mươi một triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Giá khởi điểm nêu trên chưa bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Nguồn gốc pháp lý: Tài sản là lâm sản tận thu, tận dụng sau thu hồi, bồi thường Dự án đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, đoạn qua địa bàn huyện Krông Bông thuộc xã Cư Pui và Cư Drăm, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá

1. Thời gian: Người tham gia đấu giá tài sản có thể tự tìm hiểu hoặc liên hệ với Trung tâm để được hướng dẫn xem tài sản từ ngày 24/06/2024 đến 17 giờ 00 phút ngày 25/06/2024 (trong giờ hành chính).

2. Địa điểm: Tại nơi có tài sản đấu giá.

Điều 3. Thời gian, địa điểm bán nhận và số tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá

1. Thời gian, địa điểm: Hồ sơ được bán trong giờ hành chính từ ngày niêm

yết việc đấu giá đến 17 giờ 00 phút ngày 28/06/2024 tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Lắk.

Bán, nhận hồ sơ tại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Krông Bông ngày 28/06/2024.

Người mua hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá phải xuất trình giấy CCCD, giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền (đối với tổ chức).

2. Tiền mua hồ sơ:

- Lô cây đứng rừng tự nhiên: 500.000 đồng.

- Lô cây đứng rừng trồng: 200.000 đồng.

Không hoàn lại tiền mua hồ sơ đấu giá đối với tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về đấu giá tài sản trong thời gian tổ chức cuộc đấu giá.

Điều 4. Nộp, xử lý tiền đặt trước:

1. Tiền đặt trước:

a) Lô cây đứng rừng tự nhiên: 1.120.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng).

b) Lô cây đứng rừng trồng: 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

2. Phương thức: Người đăng ký tham gia đấu giá nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Trung tâm mở tại Ngân hàng. Cụ thể:

- Đơn vị thụ hưởng: **Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản** (ghi đầy đủ như trên)

- Số tài khoản: 522.020.1000843 tại Ngân hàng Nông nghiệp – Chi nhánh Tân Lập Bắc Đắk Lắk

3. Thời gian:

a) Tiền đặt trước được nộp vào tài khoản của Trung tâm trong giờ hành chính từ ngày 26/06/2024 đến 17 giờ 00 phút ngày 28/06/2024. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp tiền đặt trước trong thời hạn thông báo đấu giá tài sản là hoàn toàn tự nguyện.

b) Tiền đặt trước đăng ký tham gia đấu giá phải được báo có trong tài khoản của Trung tâm trước hoặc trong thời gian trên. Trường hợp số tiền đặt trước của khách hàng đã có trong tài khoản của Trung tâm trong thời gian trên, nhưng không đủ hoặc báo có sau thời gian trên thì không hợp lệ và không được tham gia cuộc đấu giá và được hoàn trả số tiền đặt trước đã nộp. Chứng từ nộp tiền đặt trước đồng thời được nộp đến Trung tâm trong khoảng thời gian nêu trên.

4. Xử lý tiền đặt trước:

a) Trường hợp trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước được chuyển thành tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện giao kết và thực hiện nghĩa vụ mua tài sản đấu giá sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc xử lý tiền đặt cọc thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá được nhận lại tiền đặt trước trong trường hợp từ chối tham gia đấu giá do có thay đổi về tài sản đấu giá, giá khởi điểm tài sản đã niêm yết, thông báo công khai, hoặc không trúng đấu giá và không thuộc trường hợp không được trả lại dưới đây. Thời hạn hoàn trả trong 03

(ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá hoặc thời hạn khác do các bên thỏa thuận.

c) Tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản (tiền đặt trước trong trường hợp này thuộc về người có tài sản đấu giá sau khi trừ thù lao dịch vụ đấu giá tài sản và chi phí đấu giá), bao gồm:

- Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng;

- Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản;

- Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu giá tài sản;

- Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật Đấu giá tài sản;

- Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 Luật Đấu giá tài sản.

Điều 5. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá

1. Thời gian: Trong giờ hành chính, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá đến ngày 17 giờ 00 phút ngày 28/06/2024.

2. Địa điểm đăng ký tham gia đấu giá: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Lắk.

Bán, nhận hồ sơ tại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Krông Bông ngày 28/06/2024.

3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

a) Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá: Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và quy định pháp luật liên quan thực hiện việc mua, nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá hợp lệ.

b) Cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Trong thời hạn đăng ký tham gia đấu giá; tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua tài sản đến Trung tâm tham khảo hồ sơ, tài sản; mua hồ sơ đấu giá và nộp tiền đặt trước theo quy định.

- Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá được nộp trong thời gian đăng ký tham gia đấu giá, bao gồm: Phiếu đăng ký tham gia đấu giá đã được điền đầy đủ thông tin kèm bản photocopy giấy tờ tùy thân, đối với tổ chức phải có giấy tờ chứng minh theo quy định pháp luật (có bản chính để đối chiếu);

- Trung tâm chỉ tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của tổ chức, cá nhân đủ điều kiện đăng ký tham gia đấu giá và hồ sơ đã đầy đủ giấy tờ hợp lệ. Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham gia cuộc đấu giá (văn bản ủy quyền được thực hiện theo quy định).

4. Những trường hợp không được đăng ký tham gia đấu giá:

a) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

b) Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

c) Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

d) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại điểm c khoản này;

đ) Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

Điều 6. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: Người đăng ký được tham gia đấu cuộc giá khi nộp đúng, đủ hồ sơ và tiền đặt trước theo thời gian quy định tại quy chế này.

1. Thời gian: Bắt đầu vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 01 tháng 07 năm 2024.

2. Địa điểm: Hội trường Trung tâm Văn hóa huyện Krông Bông

Điều 7. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

1. Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá.

a) Cách thức trả giá: Đấu giá viên yêu cầu người tham gia đấu giá trả giá. Giá trả của người trả giá đầu tiên phải bằng giá khởi điểm. Người trả giá sau phải trả giá cao hơn giá mà người trả giá trước liền kề đã trả ít nhất một bước giá. Đấu giá viên công bố giá đã trả sau mỗi lần người tham gia đấu giá trả giá và đề nghị những người tham gia đấu giá khác tiếp tục trả giá. Đấu giá viên công bố người đã trả giá cao nhất là người trúng đấu giá sau khi nhắc lại ba lần giá cao nhất đã trả mà không có người trả giá cao hơn. Thời gian tối đa giữa các lần trả giá là 90 giây.

b) Bước giá:

- Lô cây đứng rừng tự nhiên: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Lô cây đứng rừng trồng: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Lưu ý: Giá trúng đấu giá hợp lệ ít nhất bằng giá khởi điểm + 01 bước giá.

2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

3. Cuộc đấu giá chỉ được tổ chức khi có từ 02 tổ chức, cá nhân trở lên nộp hồ sơ và đủ điều kiện tham gia cuộc đấu giá.

Điều 8. Không tổ chức đấu giá

Trung tâm không tổ chức đấu giá trong trường hợp trước thời gian tổ chức cuộc đấu giá, cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc người có thẩm quyền yêu cầu dừng việc tổ chức đấu giá. Người tham gia đấu giá nhận lại tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá tài sản.

Điều 9. Thanh toán tiền mua tài sản

1. Thời hạn thanh toán tiền mua tài sản: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, người trúng đấu giá có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Krông Bông. Quá thời hạn trên nếu người trúng đấu giá không nộp hoặc không nộp đủ tiền mua tài sản thì hợp đồng mua bán tài sản đấu giá bị hủy, số tiền cọc của người trúng giá (*tiền đặt trước khi tham gia đấu giá*) được nộp vào ngân sách, không hoàn trả lại cho người trúng đấu giá.

2. Phương thức: Chuyển khoản vào ngân sách.

Điều 10. Bàn giao tài sản đấu giá

- Thời gian giao tài sản: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày Người trúng đấu giá nộp đủ tiền mua tài sản, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Krông Bông phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành xuất hoá đơn, giao tài sản cho người trúng đấu giá.

- Thời gian hoàn thành việc khai thác lâm sản, bàn giao mặt bằng:

+ Trước khi khai thác lâm sản, Người trúng đấu giá có trách nhiệm lập Phương án khai thác tận thu, tận dụng và hồ sơ liên quan gửi Sở Nông nghiệp và PTNT để thẩm định, phê duyệt; đồng thời quá trình khai thác, vận chuyển lâm sản được thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

+ Các chi phí liên quan đến việc khai thác, bảo quản, vận chuyển, bàn giao mặt bằng (sau khai thác) cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Krông Bông do Người trúng đấu giá chi trả.

+ Người trúng đấu giá có trách nhiệm khai thác, bảo quản, vận chuyển tài sản đã khai thác để bàn giao mặt bằng (sau khai thác) cho Trung tâm Phát triển quỹ đất trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận bàn giao tài sản.

Điều 11. Quy định tại phòng đấu giá

1. Người tham gia đấu giá:

a) Đối với tổ chức: Là người đại diện pháp luật của tổ chức tham gia đấu giá;

b) Đối với cá nhân: Là người có tên trong phiếu đăng ký tham gia đấu giá.

2. Người tham gia cuộc đấu giá phải tuân thủ những quy định sau:

a) Có mặt đúng giờ, xuất trình giấy tờ tùy thân.

b) Chỉ những khách hàng có tên trong danh sách đăng ký tham gia đấu giá (hoặc được ủy quyền hợp lệ) mới được tham gia đấu giá.

c) Không sử dụng các chất kích thích khi đến tham gia đấu giá; không mang vũ khí, chất cháy, chất nổ đến khu vực tổ chức cuộc đấu giá;

d) Không sử dụng điện thoại di động hoặc bất kỳ phương tiện liên lạc nào trong phòng đấu giá;

đ) Ngồi đúng vị trí được hướng dẫn, không đi lại trong phòng đấu giá; không nói chuyện trao đổi bàn bạc giữa những người tham gia đấu giá;

e) Không được chụp ảnh, ghi hình trong phòng đấu giá (nếu không được phép của người điều hành cuộc đấu giá);

3. Trường hợp ủy quyền cho người khác tham gia đấu giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật. Văn bản ủy quyền phải được gửi tới Trung tâm trước thời gian bắt đầu tổ chức cuộc đấu giá.

Điều 12. Quyền của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá

1. Truất quyền tham gia cuộc đấu giá của người tham gia đấu giá có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản;

2. Dừng cuộc đấu giá khi phát hiện có hành vi thông đồng, đìm giá hoặc gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá và thông báo cho tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá;

3. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Các trường hợp bị truất quyền tham gia đấu giá

1. Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá;
2. Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để đim giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;
3. Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá;
4. Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;
5. Người rút lại giá đã trả hoặc rút lại giá đã chấp nhận quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 50 Luật Đấu giá tài sản;
6. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của người trúng đấu giá

- a) Ký biên bản đấu giá, Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá;
- b) Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn tiền mua tài sản đấu giá;
- c) Được nhận tài sản đấu giá, có quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật;
- d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Cán bộ, viên chức, người lao động của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản; cơ quan, đơn vị có tài sản; người tham gia đấu giá và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế cuộc đấu giá này. /.

Nơi nhận:

- Người có tài sản đấu giá (p/hợp);
- Lưu: VT; Hsđg

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Đình Tuệ

PHỤ LỤC

1. Bảng tổng hợp giá gỗ rừng tự nhiên

Stt	Nhóm gỗ	Loại cây	Khối lượng cây đứng (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Thành Tiền (đồng)
Tổng cộng			7.946,32		
1	I	Dáng hương	0,38	7.000.000	2.660.000
2		Lát hoa	0,64	7.000.000	4.480.000
3		Thông tre	1,34	7.000.000	9.380.000
4	II	Gỗ mật	1,52	3.700.000	5.624.000
5		Kiên kiên	0,69	3.700.000	2.553.000
6		say	1,08	3.700.000	3.996.000
7		Sến me	47,53	3.700.000	175.861.000
8		Sến mù	113,89	3.700.000	421.393.000
9	III	Bằng lăng	0,32	2.400.000	768.000
10		Bình linh	6,21	2.400.000	14.904.000
11		Cà chít	0,88	2.400.000	2.112.000
12		Chai	1,50	2.400.000	3.600.000
13		Chiêu liêu xanh	0,60	2.400.000	1.440.000
14		Chua khét	136,18	2.400.000	326.832.000
15		Sao	5,00	2.400.000	12.000.000
16		Trăm năm	11,10	2.400.000	26.640.000
17		Vên vên	1,14	2.400.000	2.736.000
18	IV	Bạch tùng	0,81	2.400.000	1.944.000
19		Bời lời	19,33	2.400.000	46.392.000
20		Giổi	17,64	2.400.000	42.336.000
21		Thông nạng	0,97	2.400.000	2.328.000
22	V	Cách miên	1,01	670.000	676.700
23		Chò xốt	562,55	670.000	376.908.500
24		Chôm	16,87	670.000	11.302.900
25		Công	0,09	670.000	60.300
26		Dầu	5,89	670.000	3.946.300
27		Dầu gió	174,74	670.000	117.075.800
28		Dầu nước	10,74	670.000	7.195.800
29		Dầu rái	6,13	670.000	4.107.100
30		Đẻ	502,08	670.000	336.393.600
31		Máu chó	76,19	670.000	51.047.300
32		Nhãn rừng	114,36	670.000	76.621.200
33		Trâm	1.660,21	670.000	1.112.340.700
34		Trâm mốc	0,07	670.000	46.900
35		Vải	0,85	670.000	569.500
36	Vàng Nghệ	595,61	670.000	399.058.700	
37	Vùng	0,15	670.000	100.500	
38	Xoài	34,90	670.000	23.383.000	
39	VI	Bần Bằng lăng	0,69	570.000	393.300
40		Bứa	137,49	570.000	78.369.300
41		Cây	85,54	570.000	48.757.800

42		Ch. liêu ồi	0,78	570.000	444.600
43		Hồng quang	304,02	570.000	173.291.400
44		Hương lai	31,95	570.000	18.211.500
45		Kháo	59,53	570.000	33.932.100
46		Lòng mang	28,91	570.000	16.478.700
47		Mít nài	62,44	570.000	35.590.800
48		Muông Sumatra	12,98	570.000	7.398.600
49		Nhàu	0,16	570.000	91.200
50		Nhọ nôi	67,05	570.000	38.218.500
51		Nhội	14,16	570.000	8.071.200
52		Núc nác	7,70	570.000	4.389.000
53		Quao	109,32	570.000	62.312.400
54		Quế	51,44	570.000	29.320.800
55		Re	0,72	570.000	410.400
56		Song mã	11,86	570.000	6.760.200
57		Sống rắn	0,60	570.000	342.000
58		Sp cứng	716,10	570.000	408.177.000
59		Tạp	12,74	570.000	7.261.800
60		Xoan	26,21	570.000	14.939.700
61	VII	Bùi nước	78,79	480.000	37.819.200
62		Cám	0,35	480.000	168.000
63		Chân Chim	62,74	480.000	30.115.200
64		Chè rừng	0,10	480.000	48.000
65		Côm	12,19	480.000	5.851.200
66		Gáo nước	20,14	480.000	9.667.200
67		Hồng quân	31,44	480.000	15.091.200
68		keo	0,17	480.000	81.600
69		Lành ngành	2,95	480.000	1.416.000
70		Lòng mức	19,91	480.000	9.556.800
71		Mò cua	240,66	480.000	115.516.800
72		Ngát vàng	326,70	480.000	156.816.000
73		Phượng vĩ	0,63	480.000	302.400
74		Sổ nhám	12,80	480.000	6.144.000
75		Sp vừa	715,95	480.000	343.656.000
76		Thầu tầu	3,22	480.000	1.545.600
77		Ưoi	0,47	480.000	225.600
78	VIII	Ba bét	8,51	480.000	4.084.800
79		Ba soi	2,01	480.000	964.800
80		Bộp	0,02	480.000	9.600
81		Bưởi bung	9,12	480.000	4.377.600
82		Chay	0,79	480.000	379.200
83		Chây	0,20	480.000	96.000
84		Cóc rừng	51,50	480.000	24.720.000
85		Đa	10,71	480.000	5.140.800
86		Dâu da	5,25	480.000	2.520.000
87		Gạo	0,02	480.000	9.600
88		Giêng giêng	0,05	480.000	24.000
89		Hu đay	0,06	480.000	28.800

90		Lôi	33,98	480.000	16.310.400
91		Mắc Khén	0,82	480.000	393.600
92		Móng bò	0,34	480.000	163.200
93		Ngái	0,02	480.000	9.600
94		Sòi tía	46,55	480.000	22.344.000
95		Sp Mềm	361,87	480.000	173.697.600
96		Sung	8,91	480.000	4.276.800
97		Táo rừng	2,22	480.000	1.065.600
98		Tung	0,64	480.000	307.200
Tổng cộng					5.618.920.000

2. Bảng tổng hợp giá gỗ rừng trồng năm 2015 (giá rừng cây đứng)

Tờ bản đồ	Thửa đất	Địa danh		Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/ha)	Thành Tiền (đồng)
		Xã	Lô			
190	18	Cư Pui	A	1,371	75.000.000	102.825.000
190	103	Cư Pui	B	0,258	75.000.000	19.350.000
Tổng				1,629		122.175.000

